TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 31/3/2022.
V/v Tranh chấp ‘‘Xin ly hôn’’.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Thanh Dũng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Phước Tường**.

+ Ông **Nguyễn Văn Dực**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Bùi Quốc Hiển –** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa***: Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 558/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Thanh T**, sinh năm 1988 (có mặt).

NĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Anh **Đặng Thành B**, sinh năm 1983 (vắng mặt).

ĐKHKTT: Ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Phần trình bày của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:

- Chị với anh Đặng Thành B cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu đến khoảng tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xãy ra sung đột, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên đã ly thân từ đó đến nay không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh B, nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về tình cảm: Cho chị được ly hôn với anh B.

-Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đặng Thành D, sinh ngày 24/11/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

2/ Phần trình bày của bị đơn:

Bị đơn anh Đặng Thành B dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị T; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị T.

3/ Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có phát biểu về trình tự tiến hành tố tụng vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử áp dụng đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

-Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị với anh Đặng Thành B, anh B có địa chỉ tại ấp A, xã B, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

-Về việc giải quyết vụ án vắng mặt đương sự:

Anh Đặng Thành B dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị T; Thông báo công khai chứng cứ và hòa giải; Kết quả công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ đến Tòa để giải quyết vụ án nhiều lần, nhưng anh B vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến gì về việc vắng mặt của anh, cũng như yêu cầu khởi kiện của chị T. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thanh T và anh Đặng Thành B cưới nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Cái Bè. Anh chị chung sống hạnh phúc đến khoản tháng 4/2021 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Theo chị T khai là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau thường xuyên phát

sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xãy ra sung đột, bất hòa nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh B nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Xét thấy chị T và anh B cưới nhau năm 2013 có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đến khoảnG tháng 4/2021 thì ly thân, từ đó đến nay anh chị cũng không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cương quyết ly hôn, còn anh B vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T, xem như anh B từ bỏ việc bảo vệ quyền lợi cho anh. Nhận thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T cho chị được ly hôn với anh B là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có một con chung tên Đặng Thành D, sinh ngày 24/11/2014 theo chị T khai là từ khi ly thân đến nay chị là người trực tiếp nuôi con chung. Đến thời gian gần đây khoảng trước tết nguyên đáng năm 2022 thì anh B rướt về nuôi và hiện ở chung với anh B. Nhưng do anh B thường hay đi làm ăn xa, nên hiện gởi con cho người bà con là anh Lê Trọng Ctrực tiếp nuôi dưỡng tại địa chỉ ấp C, xã D, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Còn anh B cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con chung nếu anh chị ly hôn. Nhận thấy thời gian gần đây anh B rướt con chung về chăm sóc, nhưng thường xuyên đi làm xa gởi con cho người bà con tên C tại thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trực tiếp nuôi dưỡng, anh không thường xuyên trực tiếp nuôi con anh. Hơn nữa con chung của anh chị phải được giao cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, nếu cha mẹ không bị pháp luật ngăn cấm việc trực tiếp nuôi con. Mặt khác tại bản tự khai ngày 17/01/2022 của Đặng Thành D có ý kiến được sống với mẹ, nếu chị T và anh B ly hôn. Nhận thấy lời khai này là hoàn toàn tự nguyện có xác nhận của trưởng ấp C tên Ngô Tùng M. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu này của chị T là giao con chung của anh chị tên D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Do chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về việc cấp dưỡng nuôi con thì được khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về tài sản chung; nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn anh B không có ý kiến gì. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có phát biểu về trình tự tiến hành tố tụng vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử áp dụng đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn chị T. Nhận thấy lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng qui định pháp luật và phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh T.

- Cho chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Đặng Thành B.

2. Về con chung: Giao con chung của anh chị tên Đặng Thành D, sinh ngày 24/11/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh B được quyền thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001097, ngày 23/12/2021 của Cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã B;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: TDS, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

PHẠM THANH DŨNG